

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

---

Hà Nội, tháng 02 năm 2012

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD10 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010017018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 31 tháng 03 năm 2010.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HUD101 Construction Joint Stock Company

Tên viết tắt: HUD101., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 158 Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Quang Đạo	Chủ tịch
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Khương	Ủy viên
Ông Đỗ Quang Hoa	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hồng Liễu	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Đức Khương	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Quang Hoa	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Nguyễn Đức Khương**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012*

Số: /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN**  
về Báo cáo tài chính cho năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101

**Kính gửi:**        **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
                                 **Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Quế Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV*  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2012*

---

**Bùi Thị Thúy**  
**Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>89.067.086.071</b>	<b>110.675.455.459</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>8.924.344.640</b>	<b>15.190.920.113</b>
1. Tiền	111		5.924.344.640	15.190.920.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.561.961.656</b>	<b>53.552.854.602</b>
1. Phải thu khách hàng	131		30.409.429.477	53.325.282.322
2. Trả trước cho người bán	132		50.247.136	155.756.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	102.285.043	71.816.280
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>44.885.632.049</b>	<b>36.589.123.258</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.885.632.049	36.589.123.258
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.695.147.726</b>	<b>5.342.557.486</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	-	40.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.695.147.726	5.302.557.486
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.571.894.917</b>	<b>7.982.269.260</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.196.838.502</b>	<b>5.397.122.626</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	4.196.838.502	5.397.122.626
- Nguyên giá	222		8.481.427.172	8.468.477.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.284.588.670)	(3.071.354.546)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.375.056.415</b>	<b>2.585.146.634</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.375.056.415	2.585.146.634
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>94.638.980.988</b>	<b>118.657.724.719</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>82.254.207.607</b>	<b>106.018.183.562</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.254.207.607</b>	<b>106.018.183.562</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	47.604.949.821	47.420.050.564
2. Phải trả người bán	312		4.679.815.689	11.430.765.101
3. Người mua trả tiền trước	313		1.564.842.490	2.680.576.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	551.201.500	2.355.522.107
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.10	27.809.937.594	42.128.091.901
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		43.460.513	3.177.249
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>12.384.773.381</b>	<b>12.639.541.157</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.11	<b>12.384.773.381</b>	<b>12.639.541.157</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.600.000.000	10.600.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		811.430.963	698.399.428
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		407.420.238	294.388.703
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		565.922.180	1.046.753.026
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>94.638.980.988</b>	<b>118.657.724.719</b>

Hà nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	158.782.149.802	160.451.874.901
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		158.782.149.802	160.451.874.901
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	152.260.377.397	153.787.996.988
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.521.772.405</b>	<b>6.663.877.913</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	1.374.509.631	5.835.152.133
7. Chi phí tài chính	22	5.15	2.025.888.441	5.635.985.892
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>2.025.888.441</i>	<i>5.635.985.892</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.16	5.321.808.563	4.803.004.466
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>548.585.032</b>	<b>2.060.039.688</b>
11. Thu nhập khác	31		885.020.455	819.828.182
12. Chi phí khác	32		679.042.582	619.237.168
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.17</b>	<b>205.977.873</b>	<b>200.591.014</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>754.562.905</b>	<b>2.260.630.702</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	188.640.725	565.157.675
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>565.922.180</b>	<b>1.695.473.027</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	534	1.600

Hà nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	194.556.823.313	131.108.139.905
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(159.104.310.445)	(80.644.884.656)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(34.475.509.548)	(30.858.277.014)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.025.888.441)	(5.840.845.411)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(394.494.484)	(424.144.030)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	493.928.789	87.942.266
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.935.724.120)	(471.243.851)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.885.174.936)</b>	<b>12.956.687.209</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.950.000)	(1.758.999.779)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	612.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.069.930.206	932.897.126
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.056.980.206</b>	<b>(213.602.653)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	97.109.355.071	58.104.103.520
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(96.924.455.814)	(71.274.991.137)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(623.280.000)	(1.484.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(438.380.743)</b>	<b>(14.654.887.617)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.266.575.473)</b>	<b>(1.911.803.061)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>15.190.920.113</b>	<b>17.102.723.174</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>8.924.344.640</b>	<b>15.190.920.113</b>

Hà nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Huy Bình

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010017018 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, sửa đổi bổ sung lần thứ 2 ngày 31/03/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng  
Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	540.600	5.406.000.000	51%
Các cổ đông khác	519.400	5.194.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.060.000</b>	<b>10.600.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: Số 11 Phương Liệt, phường Đình Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Số lao động bình quân: 86 người

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng, lắp đặt các công trình, hạng mục công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Xây dựng, lắp đặt: thiết bị kỹ thuật công trình xây dựng, hệ thống cứu hỏa;
- Trang trí nội thất các công trình, hạng mục công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; cho thuê giàn giáo cốp pha;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, phục vụ công nghệ xây dựng; Sản xuất, mua bán các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ HOẠT ĐỘNG

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên tính giá theo phương pháp đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2011</u>
	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết Đại Hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.719.643.307	26.684.288
Tiền gửi ngân hàng	4.204.701.333	15.164.235.825
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>8.924.344.640</b>	<b>15.190.920.113</b>

(\*) Là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng

#### 5.2 Phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	73.742.734	71.157.236
Bảo hiểm thất nghiệp	542.309	43.216
Phải thu khác	28.000.000	615.828
<b>Tổng</b>	<b>102.285.043</b>	<b>71.816.280</b>

#### 5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	3.454.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.885.632.049	36.585.668.713
<b>Tổng</b>	<b>44.885.632.049</b>	<b>36.589.123.258</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1	40.000.000	50.337.847
Tăng trong năm	719.115.226	845.928.639
Phân bổ vào chi phí trong năm	759.115.226	856.266.486
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000</b>

**Chi tiết theo nội dung**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lên sàn Upcom	-	40.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	4.695.147.726	5.042.067.300
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	260.490.186
<b>Tổng</b>	<b>4.695.147.726</b>	<b>5.302.557.486</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2011	7.518.639.952	872.352.182	77.485.038	8.468.477.172
Tăng trong năm	-	-	12.950.000	12.950.000
Mua trong năm	-	-	12.950.000	12.950.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>7.518.639.952</b>	<b>872.352.182</b>	<b>90.435.038</b>	<b>8.481.427.172</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2011	2.879.722.553	153.969.220	37.662.773	3.071.354.546
Tăng trong năm	1.092.610.440	104.044.022	16.579.662	1.213.234.124
Khấu hao trong năm	1.092.610.440	104.044.022	16.579.662	1.213.234.124
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>3.972.332.993</b>	<b>258.013.242</b>	<b>54.242.435</b>	<b>4.284.588.670</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2011	4.638.917.399	718.382.962	39.822.265	5.397.122.626
Tại 31/12/2011	3.546.306.959	614.338.940	36.192.603	4.196.838.502

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 3.145.116.949

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1	2.585.146.634	4.254.470.711
Tăng trong năm	669.603.994	101.294.737
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.200.651.631	1.770.618.814
Các khoản thanh lý khác	679.042.582	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.375.056.415</b>	<b>2.585.146.634</b>

**Chi tiết theo nội dung**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
CCDC phục vụ thi công công trình	1.200.299.295	2.557.093.724
Công cụ, dụng cụ phục vụ quản lý	174.757.120	28.052.910
<b>Tổng</b>	<b>1.375.056.415</b>	<b>2.585.146.634</b>

**5.8 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>47.604.949.821</b>	<b>47.420.050.564</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	39.524.318.801	38.694.247.977
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (2)	8.080.631.020	8.725.802.587
<b>Tổng</b>	<b>47.604.949.821</b>	<b>47.420.050.564</b>

- (1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 19/04/2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng, lãi suất được xác định cụ thể theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay từng lần. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này là một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá ngày 30/03/2010 và Biên bản định giá ngày 20/05/2010 là 4.356.264.356 đồng.
- (2) Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 00163/HĐHMTD/TCB ngày 25/08/2010, tổng hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 30 tỷ đồng, kỳ hạn vay bình quân 8 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng cung cấp hạn mức bảo lãnh số 00165/HĐHM/TCB ngày 15/08/2010, hạn mức bảo lãnh 20 tỷ đồng, thời hạn cấp bảo lãnh 12 tháng kể từ ngày 25/08/2010.

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	345.544.832	1.961.027.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	188.640.725	394.494.485
<b>Tổng</b>	<b>551.201.500</b>	<b>2.355.522.107</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	115.743.680	49.905.457
Bảo hiểm xã hội	74.068.618	71.200.452
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.620.125.296	42.006.985.992
- Phải trả các đội thi công	27.501.370.356	41.291.518.531
- Lãi vay phải trả Ngân hàng	118.754.940	66.747.461
- Phải trả cổ tức	-	648.720.000
<b>Tổng</b>	<b>27.809.937.594</b>	<b>42.128.091.901</b>

(\*) Bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp, trả lương và các chi phí thi công khác của các đội thi công.

**5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>10.600.000.000</b>	<b>159.718.461</b>	<b>159.718.461</b>	<b>2.222.058.989</b>	<b>13.141.495.911</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>538.680.967</b>	<b>134.670.242</b>	<b>1.695.473.027</b>	<b>2.368.824.236</b>
Lãi/lỗ	-	-	-	1.695.473.027	1.695.473.027
Phân phối lợi nhuận	-	538.680.967	134.670.242	-	673.351.209
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>2.870.778.990</b>	<b>2.870.778.990</b>
Trích quỹ	-	-	-	738.058.990	738.058.990
Chia cổ tức	-	-	-	2.132.720.000	2.132.720.000
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>10.600.000.000</b>	<b>698.399.428</b>	<b>294.388.703</b>	<b>1.046.753.026</b>	<b>12.639.541.157</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>10.600.000.000</b>	<b>698.399.428</b>	<b>294.388.703</b>	<b>1.046.753.026</b>	<b>12.639.541.157</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>113.031.535</b>	<b>113.031.535</b>	<b>565.922.180</b>	<b>791.985.250</b>
Lãi năm kỳ	-	-	-	565.922.180	565.922.180
Phân phối lợi nhuận	-	113.031.535	113.031.535	-	226.063.070
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	<b>1.046.753.026</b>	<b>1.046.753.026</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	423.473.026	423.473.026
Chia cổ tức 2010	-	-	-	623.280.000	623.280.000
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>10.600.000.000</b>	<b>811.430.963</b>	<b>407.420.238</b>	<b>565.922.180</b>	<b>12.384.773.381</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	5.406.000.000	5.406.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	5.194.000.000	5.194.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.600.000.000</b>	<b>10.600.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.600.000.000	10.600.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>623.280.000</b>	<b>1.484.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.060.000</b>	<b>1.060.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.060.000</b>	<b>1.060.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	811.430.963	698.399.428
Quỹ dự phòng tài chính	407.420.238	294.388.703
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	-	256.611.207
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.781.353.164	1.726.140.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	156.000.796.638	158.469.123.694
<b>Tổng</b>	<b>158.782.149.802</b>	<b>160.451.874.901</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Giá vốn**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	-	256.611.207
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.911.354.440	1.779.056.947
Giá vốn hoạt động xây lắp	150.349.022.957	151.752.328.834
<b>Tổng</b>	<b>152.260.377.397</b>	<b>153.787.996.988</b>

**5.14 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.374.509.631	5.835.152.133
<b>Tổng</b>	<b>1.374.509.631</b>	<b>5.835.152.133</b>

**5.15 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	2.025.888.441	5.580.453.217
Thu phí quản lý tài sản	-	55.532.675
<b>Tổng</b>	<b>2.025.888.441</b>	<b>5.635.985.892</b>

**5.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.334.125.329	3.235.817.933
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	172.065.875	207.147.170
Chi phí khấu hao TSCĐ	110.623.684	101.742.819
Thuế, phí và lệ phí	255.084.349	213.017.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	601.776.723	405.518.780
Chi phí khác bằng tiền	848.132.603	639.760.559
<b>Tổng</b>	<b>5.321.808.563</b>	<b>4.803.004.466</b>

**5.17 Lợi nhuận khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>885.020.455</b>	<b>819.828.182</b>
Thanh lý TSCĐ, thiết bị thi công	885.020.455	819.828.182
<b>Chi phí khác</b>	<b>679.042.582</b>	<b>619.237.168</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ, thiết bị thi công thanh lý	679.042.582	619.237.168
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>205.977.873</b>	<b>200.591.014</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	754.562.905	2.260.630.702
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	754.562.905	2.260.630.702
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN	188.640.726	565.157.675
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>188.640.725</b>	<b>565.157.675</b>

**5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	565.922.180	1.695.473.027
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	565.922.180	1.695.473.027
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.060.000	1.060.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>534</b>	<b>1.600</b>

**5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.264.244.389	106.102.306.977
Chi phí nhân công	46.253.463.997	34.218.204.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.213.234.124	1.189.860.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.354.351.114	8.189.367.893
Chi phí khác bằng tiền	4.087.876.716	4.073.565.302
<b>Tổng</b>	<b>171.173.170.340</b>	<b>153.773.305.831</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Môi quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
Thành viên HĐQT và Ban điều hành		Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	610.327.472	580.137.705

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Môi quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Giao dịch bán	46.925.019.740	56.661.740.515
		<i>Xây lắp</i>	<i>45.367.472.940</i>	<i>56.661.740.515</i>
		<i>Thuê xe</i>	<i>18.000.000</i>	-
		<i>Thuê thiết bị</i>	<i>1.539.546.800</i>	-
		Giao dịch mua	9.651.678	209.529.982
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	25.182.045.455	51.326.181.362
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà và Đô thị HUD8	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	7.845.938.183	26.387.405.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	24.789.159.090	17.499.621.818
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán- Xây lắp	8.974.558.182	1.903.780.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>Số dư tại 01/01/2011</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>18.118.801.889</b>	<b>50.919.967.929</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Công nợ	5.880.295.234	14.134.011.337
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ	Công nợ	800.333.299	800.333.299
Công ty CP đầu tư XD đô thị Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Công nợ	581.616.556	2.381.616.556
Công ty CP ĐT và PT Nhà và Đô thị HUD8	Cùng Tập đoàn	Công nợ	3.043.473.200	14.560.901.000
Công ty CP ĐT và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Công nợ	223.184.000	1.682.316.837
Tập đoàn PT Nhà và Đô thị	Tập đoàn	Công nợ	7.589.899.600	17.360.788.900
<b>Người mua trả tiền trước</b>			<b>1.264.842.490</b>	<b>861.524.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4	Cùng Tập đoàn	Công nợ	1.150.975.000	-
Công ty CP ĐTPPT Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng Tập đoàn	Công nợ	113.867.490	861.524.000
<b>Phải trả người bán</b>			<b>10.528.305</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	Công nợ	10.528.305	575.632.980
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	Cổ tức	-	648.720.000

**6.3 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Huy Bình****Vũ Thị Hồng Liễu****Nguyễn Đức Khương**